

# CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT Ở THÁI LAN

## (QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP VÀ BẢO TỒN VĂN HÓA TỘC NGƯỜI)

TRỊNH DIỆU THÌN\*

Cộng đồng người Việt xuất hiện ở Thái Lan từ rất sớm. Quá trình hình thành cộng đồng của họ trải qua nhiều đợt nhập cư khác nhau, do vậy đặc trưng của mỗi cộng đồng cũng mang màu sắc khác nhau sau khi đã định cư ở nước này. Theo tư liệu lịch sử, tính đến nay, người Việt Nam đã có mặt ở Thái Lan trên dưới 300 năm, sớm nhất vào thời kỳ Ayuthaya và muộn nhất vào thời kỳ sau chiến tranh thế giới lần thứ II (không kể những đợt nhập cư lẻ tẻ của các thuyền nhân sau chiến tranh Việt Nam kết thúc năm 1975). Từ buổi ban đầu xa xưa đó, cùng với nhiều nhóm cộng đồng người nước ngoài khác, với động cơ và hoàn cảnh nhập cư riêng của mình họ đã có cách hòa nhập vào xã hội nước Xiêm trước đây và Thái Lan sau này một cách tự nhiên, có lúc thuận lợi, có lúc khó khăn, trắc trở tùy thuộc vào những biến động lịch sử của nước bản địa hay biến cố khu vực. Để tồn tại và ngày càng khẳng định mình là cộng đồng người nước ngoài có quá trình hình thành và phát triển theo chiều hướng tích cực, gắn bó không ngừng với Vương quốc Thái Lan, nhưng vẫn bảo lưu được truyền thống văn hoá Việt Nam cội nguồn như ta thấy ngày nay, đó là điều diệu kỳ đáng trân trọng mà không phải bất kỳ cộng

đồng người nước ngoài nào sống xa xứ cũng có được.

Xét ở góc độ hình thành cộng đồng, dựa theo tư liệu tiếp cận được, người Việt tạm phân ra thành những làn sóng nhập cư mang đặc trưng riêng biệt trong quá trình hội nhập của cộng đồng người Việt ở Thái Lan như sau:

### 1. Người Việt nhập cư vào Xiêm thời kỳ Ayuthaya

Nhà nước Ayuthaya vào những năm giữa thế kỷ XVII trên bước đường xây dựng để trở thành một quốc gia thịnh vượng đã vươn ra mở rộng quan hệ buôn bán với người nước ngoài bằng đường biển, cả ở phía Bắc với Trung Hoa và các nước phương Tây xa xôi như Anh, Pháp, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha v.v... Cùng vào thời gian này, ở Việt Nam triều đình phong kiến Đàng trong và Đàng ngoài đã ngày càng có thái độ cứng nhắc có phần cực đoan trong chính sách bài xích Thiên chúa giáo, trong lúc các giáo sĩ phương Tây đang ra sức lôi kéo ngày một nhiều giáo dân tại các làng quê ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Sự bài xích ngày càng quyết liệt đã khiến nhiều gia đình công giáo phải bỏ làng quê ra đi hoặc tìm lối

\* Trịnh Diệu Thìn, nghiên cứu viên tự do

thoát về tinh thần hoặc bị dụ dỗ. Sự ra đi của các gia đình nông dân Nam Bộ tạo thành một làn sóng nhập cư, có thể coi là đợt nhập cư của người Việt đầu tiên vào Thái Lan bằng đường biển, người Xiêm đương thời gọi họ là người Duôn Cochinchina<sup>(1)</sup>. Về mặt xã hội, đặc điểm nổi bật của lớp người này là dân nông nghiệp thuần túy, có một số nghề phụ cũng là những nghề làm ra sản phẩm từ nông nghiệp như đánh bắt cá tôm hay chế biến hải sản hoặc một số nghề có liên quan đến sông nước như đi thuyền, trồng cói và dệt chiếu. Trong quá trình hội nhập, vì sự tồn tại của cộng đồng, những nghề này không chỉ là nguồn nuôi sống gia đình mà dần dần theo sự chảy trôi của lịch đã trở thành đặc trưng văn hóa của cộng đồng được dân bản xứ chấp nhận và chịu ảnh hưởng rồi kế thừa đến ngày nay như thấy ở một số tỉnh miền Đông Thái Lan. Những năm liền sau đó lại có những đợt nhập cư tiếp tục của người Việt Nam Bộ vào Ayuthaya khi vương triều này rơi vào tình trạng tranh chấp liên miên giữa các phe phái trong triều đình, mà vẫn phải đương đầu với cuộc chiến tranh với quân Miến ở phía Tây đất nước. Bởi vậy, những người Việt nhập cư vào thời điểm này đã nhanh chóng trở thành nguồn nhân lực đáng chú ý, bổ sung kịp thời cho chiến tranh cũng như phục vụ xây dựng và sản xuất nông nghiệp của vương triều Xiêm. Kết quả là, cuộc nhập cư của họ rất được hoan nghênh trong chính sách cởi mở của vương triều Ayuthaya, đặc biệt thời vua Narai (1656-1688), ông luôn coi họ là *bản dân thiên hạ* của triều đình như bao thân dân của ông<sup>(2)</sup>. Bởi chính sách mềm mỏng như vậy khiến cộng đồng người Việt khi mới nhập cư dù đứng trước bao thách thức, họ đã nhanh chóng hội nhập xã hội một cách vui vẻ, tự nguyện gia nhập đội quân lao động trên nhiều

lĩnh vực tùy thuộc vào khả năng nghề nghiệp của mình. Sự hòa nhập cộng đồng lúc này không chỉ để tồn tại mà còn góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước Xiêm, làm giàu thêm bản sắc văn hóa của dân bản địa bằng một vài công trình văn hóa vật thể hiện còn lại, như nhà thờ Thiên chúa giáo ở Chanthaburi. Đây là nhà thờ độc nhất ở Thái Lan được coi là công trình kiến trúc đặc sắc và hoàn mỹ về nghệ thuật kiến trúc Thiên chúa giáo do công sức của cộng đồng người Việt thuộc làn sóng nhập cư đầu tiên xây dựng nên<sup>(3)</sup>. Nhà thờ Chanthaburi từng đóng vai trò là trung tâm giao lưu Ki tô giáo của cả khu vực<sup>(4)</sup>. Sau này, khi đạo Thiên chúa có điều kiện phát triển, lớp con cháu của người Việt thuộc làn sóng nhập cư đầu tiên này còn lập trường học Thiên chúa giáo cho con em giáo xứ chung của địa phương<sup>(5)</sup>. Cho đến nay, nhà thờ vẫn duy trì cung cách lễ thức theo lễ thức Thiên chúa giáo kiểu Việt Nam, các thầy thụ lễ, các mẹ bế trên lớp cao niên, một số sơ và các bổ giúp việc nhà thờ đều là người Thái gốc Việt. Họ vẫn đọc kinh bằng tiếng Việt, giao tiếp nội bộ đôi khi bằng tiếng Việt Nam Bộ với chất giọng Nam Bộ nhưng ngôn từ rất khác so với ngày nay cả về âm sắc và ngữ nghĩa.

## 2. Người Việt nhập cư vào Thái Lan thời kỳ quan hệ giữa các chúa Nguyễn với vương triều Xiêm, và thời kỳ tiền Băng Cốc

Vào những năm cuối của vương triều Ayuthaya, nước Xiêm rơi vào cảnh suy tàn bởi cuộc chiến tranh Thái - Miến, trong khi đó triều đình rối ren triển miên vì sự tranh chấp khốc liệt giữa các phe phái. Cùng với những cuộc chạy loạn của cộng đồng người Việt ra khỏi Ayuthaya đi về phía Tây như Kanchanaburi, hay xuống phía Nam như Nakhon Sithammarat thì ở

phía Đông xuất hiện làn sóng nhập cư mới của người Việt vào nước này. Đây là những đợt nhập cư không xuất phát từ lý do tôn giáo. Nó bị xô đẩy bởi cuộc chiến tranh xâm lấn lãnh thổ vì mục đích bảo vệ ngai vàng vừa gây thanh thế của triều đình Thônบุรี vào thời điểm vua Tacsin đem quân đánh phá đất Hà Tiên của Việt Nam. Trấn thủ đất Hà Tiên vừa phải đương đầu với cuộc xâm lấn nói trên, vừa bị cuộc rượt đuổi thanh trừng của triều đình Phú Xuân đã đem gia quyến và thuộc hạ chạy trốn sang Xiêm. Vua Tacsin sau khi đã giải quyết ổn thỏa việc trao đổi con tin đã chấp nhận cưu mang số người Việt nhập cư đợt này.

Triều đại Thônบุรี chấm dứt sau thời gian ngắn ngủi, vua Rama 1 lên ngôi mở mang vương triều Băng Cốc, một đợt nhập cư nữa của cộng đồng người Việt, bổ sung cho làn sóng nhập cư thứ hai có nhiều biến động mang tính chính trị và ngoại giao, để lại nhiều dấu ấn văn hóa Việt tồn tại đến ngày nay, đặc biệt ở miền Trung Thái Lan. Đó là cuộc nhập cư ồ ạt của dân Nam Bộ Việt Nam gồm hàng ngàn binh sĩ và nông dân theo đoàn tùy tùng và gia quyến chúa Nguyễn Ánh hai lần sang nương náu ở đất Xiêm. Kể cả sau này, khi lập ra vương triều nhà Nguyễn, các vua Gia Long, Minh Mạng luôn giữ mối giao hảo với triều đình Xiêm. Trong cuộc hội nhập với cộng đồng xã hội Thái Lan, lớp người Việt này luôn chứng tỏ mình là cộng đồng không chỉ giữ vững bản sắc văn hóa Việt mà còn làm phong phú thêm truyền thống văn hóa cung đình nước Xiêm. Có thể chứng minh điều này qua nghệ thuật biểu diễn sân khấu múa đèn cung đình Thái Lan có xuất xứ từ điệu múa dâng kiếu Huế do chính Nguyễn Ánh là người thành lập đội múa lân và múa dâng phục vụ hội lễ cung đình trong thời gian ông và gia quyến sống trong hoàng cung Xiêm.

Điệu múa này mãi đến thời vua Rama 4 mới thực sự cải biên thành múa cung đình như thấy ngày nay<sup>(6)</sup>. Về tục đốt vàng mã, tuy là phong tục mà người Việt du nhập của người Trung Hoa nhưng khi xuất hiện ở Thái Lan lại chính do người Việt thuộc làn sóng nhập cư thứ hai này đem vào truyền bá ngày càng phổ biến. Về văn hóa tín ngưỡng, nếu như cộng đồng người Việt thuộc nhóm nhập cư thứ nhất đã ghi dấu ấn bằng công trình kiến trúc nhà thờ Chanthaburi, thì làn sóng nhập cư thứ hai này để lại dấu ấn văn hóa phi vật thể rất quan trọng, đó là giáo phái *Annam nikai*. Người có công truyền bá Phật giáo Đại thừa Việt Nam vào Xiêm để vua Rama 4 lập ra giáo phái *Annam nikai* là nhà sư Quang Hưng và nhà sư Diệu Cầm từ trong nước sang trụ trì tại chùa của người Việt ở Băng Cốc đương thời.

Tóm lại, trong cuộc sống hòa đồng vào xã hội Xiêm, cộng đồng người Việt thuộc làn sóng nhập cư thứ hai này so với nhóm người Việt nhập cư vào thời kỳ Ayuthaya, về số lượng đương nhiên nhiều hơn bởi họ bao gồm nhiều đợt nhập cư trải dài hàng thế kỷ; thành phần xã hội cũng phức tạp hơn và những đóng góp của họ với xã hội Thái Lan cũng phong phú và đa dạng hơn ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Theo dòng thời gian, họ từng bước một cắm sâu gốc gác Việt vào xã hội Thái Lan một cách hoàn hảo mà chỉ nhìn bề nổi, khó có thể phân biệt rạch ròi. Dấu ấn để nhận biết về họ, ngoài nét văn hóa phi vật thể, có lẽ là ở vốn từ ngữ lưu lại ở tên gọi dòng họ<sup>(7)</sup>.

### 3. Người Việt nhập cư vào miền Đông Bắc Thái Lan (Isán)

Cộng đồng người Việt ở Isán là một bộ phận của tổng thể cộng đồng người Việt nhập cư vào Thái Lan đã trên 300 năm như đã nêu ở phần trên. Trong quá trình

hình thành cộng đồng, họ có những đặc trưng riêng không giống với làn sóng nhập cư của người Việt ở thế kỷ XVII hay XIX. Đó là sự khác nhau về con đường nhập cư, nguyên nhân nhập cư, thành phần xã hội của những người nhập cư, đặc biệt là hoàn cảnh nhập cư của họ bị đặt trong bối cảnh đặc biệt diễn ra đồng thời với sự thay đổi lớn lao về nhiều mặt ở khu vực Đông Nam Á những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và kéo dài đến những năm sau cuộc chiến thế giới lần thứ II kết thúc. Lâu nay, khi nghiên cứu về cộng đồng người Việt ở Thái Lan, các nhà nghiên cứu phần lớn nhằm vào đối tượng này nhiều hơn cộng đồng người Việt thuộc làn sóng nhập cư thứ nhất và thứ hai. Ngoài lý do thời gian mới qua đi gần một thế kỷ, còn bởi đặc trưng văn hóa Việt mà họ đem vào nước này cũng như ảnh hưởng của nó đối với xã hội bản địa rất đa dạng và phong phú, lối sống văn hóa trong quá trình hội nhập với xã hội Thái Lan của họ luôn được cộng đồng xã hội đề cao. Để hiểu về họ, có lẽ cũng nên tìm hiểu đôi điều về quá trình hình thành cộng đồng mà lâu nay ta quen gọi là *Việt kiều Isản*.

### 3.1. Người Việt nhập cư vào Isản những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Lật lại những trang sử bang giao giữa hai Vương triều phong kiến Việt Nam và Xiêm, cho thấy vào thời kỳ đầu triều đại Băng Cốc, tư liệu lịch sử bang giao nhận định rằng quan hệ giữa hai Vương triều diễn ra rất tốt đẹp. Nhờ có mối quan hệ này đã tạo ra lực hút thu nạp thường xuyên các đợt nhập cư của người Việt vào cư trú ở khu vực miền Trung Thái Lan. Tuy nhiên, điều đó chỉ diễn ra ở triều vua Rama 1 và Rama 2, đến triều vua Rama 3 thì thân phận của người nhập cư không còn do lực hút ban đầu mất đi, nếu như không muốn nói là họ đã bị "lùa" vào, khi mà quan hệ giữa hai nhà nước trở nên

căng thẳng và chấm dứt mối bang giao vào năm 1833<sup>(8)</sup>.

Khi vua Rama 4 lên ngôi, triều đại của ông có nhiều thay đổi về đường lối đối ngoại và đối nội. Cả hai yếu tố đối ngoại và đối nội một lần nữa trở thành lực hút mới, thu hút nhiều nhóm người Việt nhập cư bằng đường bộ vào đất Isản. Với chính sách cởi mở, vua Rama 4 chính thức thực thi chính sách nhập cư đối với người Việt vào vùng đất rộng lớn nhưng chưa phát triển này, ông khuyến khích mọi hoàn cảnh và điều kiện nhập cư của họ<sup>(9)</sup>. Như vậy, sau một thời gian dài vắng bóng các cuộc nhập cư của người Việt bằng đường biển nay xuất hiện sóng nhập cư mới tạm có thể coi họ là nhóm cộng đồng người Việt đầu tiên nhập cư vào miền Đông Bắc Thái Lan. Họ cùng với nhóm người Việt vào Thái Lan đầu thế kỷ XX được Việt kiều quen gọi là người *Việt cũ* bao gồm các lớp nhập cư như sau:

#### *Lớp người thứ nhất*

Là đợt nhập cư của những người nông dân Việt Nam ở khu vực miền Nam Trung Bộ trốn chạy sự bài xích Thiên chúa giáo của triều đình Huế, đặc biệt thời vua Tự Đức, đồng thời trốn chạy nạn đói kém kéo dài triền miên của những năm Tự Đức thứ 14-15 như tư liệu lịch sử Thái Lan đã ghi<sup>(10)</sup>. Lớp người này đến nay dấu tích Việt còn lại rất mờ nhạt, hầu hết họ đã Thái hóa hoàn toàn bởi môi trường sinh sống ngay từ khi mới nhập cư đó là khai khẩn đất đai hoà vào với dân bản địa, tản mạn xa dần cuộc sống giao lưu giữa những người trong cùng chủng tộc.

#### *Lớp người thứ hai*

Bao gồm nhóm người Việt theo đạo Thiên chúa, nguyên nhân nhập cư đơn thuần là tránh sự bài xích tôn giáo ở vào giai đoạn quyết liệt nhất của triều đình Huế. Con đường nhập cư của họ là đường

bộ, vượt qua dãy Trường Sơn sang Lào rồi tiến thẳng qua sông Mê Công vào cư ngụ ở một số thị xã ven sông, đông nhất là tỉnh Nakhon và Sakôl. Theo tài liệu của Lê Quốc Sản, số người Việt thuộc lớp này có khoảng trên dưới 4.000 người<sup>(11)</sup>. Cho đến những năm 60 của thế kỷ XX, họ vẫn tự nhận mình là con cháu dân *đạo gốc thời vua Tự Đức*. Trong cuộc sống hòa đồng với xã hội bản địa, họ vẫn duy trì đều đặn lối sinh hoạt văn hóa tôn giáo riêng ngay từ khi mới nhập cư. Nhà thờ do chính cộng đồng tự nguyện góp xây dựng lên ở Thạỵ (thị trấn cách thành phố Sakôl 20km) nay vẫn là điểm hội tụ sinh hoạt văn hóa tâm linh của giáo dân người Thái gốc Việt. Tuy nhiên, qua bao nhiêu lần tu sửa, nhà thờ phần nào đã không còn nguyên vẹn kiến trúc như nhà thờ Chanthaburi, phong cách lễ thức đã pha lẫn ít nhiều văn hóa Thái nhưng giáo dân và những người phục vụ trong nhà thờ vẫn tự hào gốc Việt của mình.

#### *Lớp người thứ ba*

Là lớp người Việt nhập cư vào Thái Lan trong thời kỳ mà chủ nghĩa thực dân phương Tây ráo riết bành trướng thế lực ở toàn khu vực Đông Nam Á. Ở Việt Nam, thực dân Pháp sau khi hoàn tất việc xâm chiếm Việt Nam, quay sang gây sức ép về lãnh thổ giữa Xiêm và các nước Đông Dương thuộc Pháp. Nước Xiêm đứng trước nguy cơ bị tấn công của cả Anh và Pháp. Để thoát khỏi tình trạng đó, người Xiêm tỏ ra thận trọng tìm cách tồn tại trước các nước lớn, bằng cách liên tục nhân nhượng ký những hiệp ước bất bình đẳng với Pháp và Anh, điển hình là Hiệp ước Bowring 18-4-1855. Ở Việt Nam, sự tàn bạo của thực dân Pháp đã thực sự trùm lên mọi tầng lớp nhân dân, hơn hết là giai cấp nông dân với hai tròng áp bức của đế quốc và phong kiến, chưa kể nạn bắt phu bắt lính triển miên. Hoàn cảnh đó tạo ra lực

đẩy bất khả kháng, đẩy số đông người Việt miền Trung Việt Nam vượt rừng núi phía Tây qua Lào rồi qua sông sang đất Isản. Triều đình Xiêm đương thời, dưới sự trị vì của vua Rama 5, đã đón nhận họ một cách thuận tình bằng chính sách giảm thuế nhập cảnh, đối xử với họ như mọi người dân bản địa<sup>(12)</sup>. Hơn thế nữa ông còn tìm cách che chở cho họ mỗi khi bị người Pháp dùng quyền ngoại giao tài phán gây khó khăn cho cuộc sống làm ăn của họ<sup>(13)</sup>. Tuy nhiên, sự ưu ái này xuất phát từ lợi ích về nguồn nhân lực mà vua Rama 5 thấy được ở đối tượng nhập cư của người Việt vào thời ông đang thực hiện công cuộc canh tân đất nước. Nhất là sau này, khi Thái Lan ký hiệp ước nhượng phần đất phía bờ tả ngạn sông Mê Công ngày 3-10-1893 cho Pháp, trong đó quy ước lấy giải đất chạy dài theo dòng Mê Công làm khu phi quân sự, sự kiện này tạo ra cơ hội để số đông người Việt thường xuyên làm ăn buôn bán ở khu vực nói trên chuyển hẳn sang xin định cư ở vùng Đông Bắc nước Xiêm. Với ưu thế thương nghiệp vốn có, họ nhanh chóng hòa nhập xã hội địa phương và trở thành lớp người Việt sinh sống bằng nghề buôn bán nhỏ khi đương thời kinh tế thương nghiệp đang bị bỏ ngỏ.

#### *Lớp người thứ tư*

Vào những năm cuối thế kỷ XIX, tại Việt Nam phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp phát triển mạnh mẽ, lan tỏa khắp các miền Bắc, Trung, Nam, đi tiên phong là phong trào Cần Vương của Tôn Thất Thuyết và tiếp theo là phong trào Đông du của Phan Bội Châu, cũng như phong trào Đông kinh nghĩa thực của Phan Chu Trinh. Sự lảng xuống của phong trào ở những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, đã đưa số đông các chí sĩ yêu nước lần lượt nhập cư vào nước Xiêm trên con đường đi tìm đường cứu nước,

tiến tới việc gây dựng phong trào yêu nước ở hải ngoại, lấy địa bàn Isản nơi đã có cộng đồng người Việt ở làm chỗ dựa. Bởi xuất thân là những nhà yêu nước có bề dày văn hóa và tri thức nên trong cuộc sống hòa đồng xã hội của lớp người này mang đặc trưng văn hóa truyền thống lịch lãm của người Việt xứ Bắc. Do đó, trong giao tiếp, họ được dân chúng cả người Việt và người bản xứ kính trọng. Điều này thực sự là có ích trong công tác vận động người Việt ở Xiêm, ngay những năm diễn ra phong trào yêu nước của Việt kiều Xiêm đầu thế kỷ XX, với những gương tiêu biểu như Phan Bội Châu, Đặng Thúc Hứa, Đặng Thái Thuyết, Đặng Quỳnh Anh v.v...

Nói tóm lại, lớp người Việt vừa nêu đã cùng với 3 lớp người Việt vào vùng đất Đông Bắc Thái Lan trước đó tạo nên cộng đồng người Việt cũ theo cách sắp xếp dựa vào quy chế nhập cư cho người Việt do chính phủ Thái Lan đề ra năm 1945<sup>(14)</sup> đã gọi họ như vậy. Cùng với năm tháng, họ đã chung sống và hòa nhập một cách nhuần nhuyễn với xã hội Thái Lan, trở thành người Thái gốc Việt từ những năm đầu nửa thế kỷ XX.

### 3.2. Lớp người Việt nhập cư vào Isản năm 1945-1946

Đây là lớp người Việt thuộc làn sóng nhập cư sau cùng vào Thái Lan, được coi là đợt nhập cư lớn nhất từ trước đến nay của cả cộng đồng người Việt trên toàn Thái Lan nhưng chủ yếu chỉ định cư ở đất Isản. Cho đến nay, khi nói đến Việt kiều Thái Lan là nói đến lớp người này, bởi lẽ cuộc sống của họ hơn nửa thế kỷ qua thực sự đã là hiện tượng chính trị gắn liền với lịch sử bang giao giữa hai nhà nước Việt Nam và Thái Lan. Cuộc sống vật chất và tinh thần của họ dù lặng lẽ gắn bó với sự chảy trôi và chìm nổi của xứ Isản, vẫn mang hơi thở của lịch sử thời kỳ hiện đại. Thân phận của cả

cộng đồng lại rất đặc biệt, nó rất sôi động nhưng họ chỉ có thể quán quanh trong vùng Isản, ít ai vượt ra khỏi khu vực một cách dễ dàng thuận lợi như đồng bào mình, những người nhập cư vào đất Xiêm trước đây, bởi chính sách của nhà nước Thái Lan qua các thời kỳ áp dụng vào việc quản lý họ. Người Việt lớp trước định cư ở Thái Lan với tư cách là dân nhập cư, còn người Việt lớp này cho đến những năm cuối của thế kỷ XX vẫn là dân tị nạn<sup>(15)</sup>, chính quyền Thái Lan gọi họ là *Duon opphadop* hay người Việt mới, cuộc sống hội nhập với xã hội Thái của họ gặp muôn vàn khó khăn, cả vật chất lẫn tinh thần.

Về mặt chính trị, cuộc nhập cư của họ trực tiếp do lực đẩy của cuộc chiến tranh tái chiếm Đông Dương của thực dân Pháp tiến hành trước tiên ở Lào gây ra khi Thàkheç thất thủ ngày 21-3-1946. Có thể nói, đây là cuộc tản cư bất đắc dĩ, diễn ra chóng vánh trong một tuần lễ, đưa khoảng 70.000 người Việt ở các tỉnh Thàkheç, Viêng Chăn, Savannakhê ở Lào sang cư trú ở hầu hết các thị xã và huyện lỵ dọc sông Mê Công của vùng Đông Bắc Thái Lan. Do không có sự chuẩn bị cho cuộc sống lâu dài trên đất Thái Lan, lớp người Việt tản cư này vẫn nung nấu chờ đợi sự trở về đất Lào, nơi họ đã để lại hầu hết tài sản, đã nửa đời người tích góp, ra đi với bàn tay trắng. Do đó, ý thức hội nhập xã hội nơi họ tạm cư trú còn lỏng lẻo, không mặn mà. Hiện tượng này kéo dài mãi đến đầu những năm 60 của thế kỷ trước, khi họ coi nơi mình đang cư trú là nơi trú chân tạm thời. Điều này ít nhiều làm họ tuột mất cơ hội gia nhập cộng đồng xã hội Thái Lan bằng việc xin nhập quốc tịch Thái Lan để có điều kiện làm ăn sinh sống, dễ dàng hội nhập với cộng đồng xã hội, không phải chờ đợi đến đầu thế kỷ XXI mới giải quyết được như công bố gần

dây của chính quyền Thái Lan<sup>(16)</sup>.

Dù sao thì cuộc sống vẫn phải tồn tại, với bản năng sinh tồn trong mỗi con người, cộng với bản chất cần cù, cộng đồng người Việt thuộc làn sóng nhập cư lịch sử này đã đoàn kết vượt lên tất cả bằng tinh thần yêu nước thương nòi như người Việt lớp cũ một cách đáng khâm phục. Không những thế, họ còn là cộng đồng người nước ngoài ở Thái Lan có nhiều đóng góp vào sự phát triển về kinh tế và văn hóa của vùng đất Isản.

Như đã nêu, cùng với các loại kiều dân sống trên đất Thái Lan như người Hoa, người Ấn, người Mã, người phương Tây, người Việt Nam là một bộ phận kiều dân có số lượng đông đáng kể. Họ có quá trình nhập cư và hình thành cộng đồng theo các giai đoạn lịch sử khác nhau kể từ giữa thế kỷ XVII đến nửa sau của thế kỷ XX, mang những đặc trưng riêng của từng nhóm cộng đồng khác nhau tùy thuộc vào hoàn cảnh và điều kiện nhập cư cũng rất khác nhau. Chẳng hạn, cộng đồng người Việt ở Chanthaburi có nếp sống sinh hoạt khác với người Việt thuộc nhóm nhập cư thời kỳ tiền Băng Cốc hiện sinh sống ở khu vực Xámxén. Cộng đồng người Việt ở Isản lại hoàn toàn khác với cả hai nhóm trên không chỉ ở hình thức bề nổi mà còn khác hẳn ở chiều sâu cuộc sống sinh hoạt văn hóa vật chất và tinh thần. Họ là cộng đồng người Việt tuy có cuộc sống xa xứ trên dưới 100 năm, bị tác động nhiều của những biến cố lịch sử ở nước này và cả của khu vực nhưng họ là cộng đồng người Việt luôn giữ được mối quan hệ với quê nhà. Đồng thời, trong cuộc sống hội nhập với xã hội bản địa, dù cuộc sống ấy không dễ chịu gì, nhất là ở xứ sở Isản nổi tiếng cần cỗi khó khăn, nhưng họ đã sống hết mình với nó bằng vào bản lĩnh mang đậm bản sắc văn hóa Việt để vượt lên tất cả, để tồn tại và phát triển như ngày hôm nay. Hơn nữa là vì tình bằng

hữu giữa hai dân tộc và vì sự thịnh vượng chung của Isản nói riêng và hai nhà nước Việt Nam - Thái Lan nói chung./.

## CHÚ THÍCH

1. Sôvättri Nathalang. *Chùa người Việt ở Thái Lan*, Luận án Tiến sĩ ngành nhân học, khoa xã hội và nhân văn, Đại học Thammasat, Băng Cốc, 1993, tr. 22-23.
2. Phutsadi Chänvimôn. *Người Việt ở Thái Lan*, NXB TRF, Băng Cốc, 1998, tr. 56-57.
3. *Chanthaburi*. (dự án tìm hiểu đất nước), NXB Sarakhadi, Băng Cốc, 1997.
4. Phutsadi chänvimôn. *Người Việt ở Thái Lan*, NXB TRF, Băng Cốc, 1998, tr. 99.
5. Phutsadi Chänvimôn, sách đã dẫn, tr. 100.
6. Chaophagiathiphakonvông. *Vương triều Băng Cốc, triều vua Rama1*. NXB Khurusapha, Băng Cốc, 1983, tr. 87-88.
7. Bản danh sách các sơ ở nhà thờ Chanthaburi (tư liệu điền dã), 1997.
8. Nhiều tác giả. *Lịch sử Thái Lan*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 130-133.
9. Khunvichit Mattra. *Lăkthay*, NXB Ruômản, Băng Cốc, 1973, tr. 333.
10. Phutsadi Chänvimôn, sách đã dẫn, tr. 32, 54, 56.
11. Phutsadi Chänvimôn, sách đã dẫn, tr 252.
12. Lê Quốc Sản. *Chi đội hải ngoại IV (chi đội Trần Phú)*, NXB Đồng Tháp, Đồng Tháp, 1989, tr. 7.
13. Phutsadi Chänvimôn, sách đã dẫn, tr. 54.
14. Phutsadi Chänvimôn, sách đã dẫn, tr. 254.
15. Lit Itthipracha. *Duôndalê*, NXB Vitthadavut, Băng Cốc, 1975, tr. 14.
16. Nhà chức trách Thái Lan ghi trong giấy tàng đạo (căn cước kiều dân) khi cấp cho Việt kiều.
17. Tham luận của cán bộ Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài trong buổi hội đàm nhân kỷ niệm 60 năm ngày Thàkhech thất thủ 21/3/1946 - 21/3/2006, do chi hội thân nhân Việt kiều Lào - Thái tổ chức tại Hà Nội.